

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/DS-ST.

Ngày: 26-9-2019.

*V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự
mua bán tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Minh;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Điệp
2. Ông Trần Văn Bé Hai

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 26/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 450/2019/TLST-DS, ngày 11 tháng 7 năm 2019 về việc: “Tranh chấp dân sự hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2019/QĐXXST- DS ngày 05/9/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2019/QĐST – DS ngày 19/9/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Đỗ Thị Ngọc Tr, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Là đại diện hộ kinh doanh của Đại Lý Ngọc Tr.

Bị đơn: - Nguyễn Thị T, sinh năm 1961

- Dương Tòng Ph, sinh năm 1951

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà Tr, bà T có mặt, ông Ph vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà Đỗ Thị Ngọc Tr, đại diện hộ kinh doanh của đại lý Ngọc Tr, là nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2016, vợ chồng bà T và ông Ph có đến cửa hàng của bà Tr để mua thức ăn cho cá rô, đồng thời có làm hợp đồng mua bán đến khi nào bán cá xong sẽ thanh toán đủ tiền cho bà Tr. Tuy nhiên, sau khi bán cá xong, vợ chồng bà T và ông Ph không trả hết nợ theo như hợp đồng mà còn nợ lại bà Tr số tiền là

1.053.590.000 đồng (có làm biên nhận). Đến ngày 06/02/2018 có trả cho bà 80.000.000 đồng, còn nợ 973.000.000 đồng. Đến ngày 20/4/2018 trả 100.000.000 đồng, còn nợ 873.000.000 đồng. Ngày 17/5/2018 trả 100.000.000 đồng, còn nợ 773.000.000 đồng. Ngày 31/10/2018 trả 103.000.000 đồng, nợ 670.000.000 đồng. Ngày 04/3/2019 bà T và ông Ph nợ thêm tiền thức ăn là 180.000.000 đồng. Cùng ngày, bà T và ông Ph có ký tên xác nhận nợ tổng số tiền là 850.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng). Bà Tr nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà T và ông Ph trả nợ nhưng vợ chồng bà T và ông Ph hứa hẹn đến nay vẫn chưa trả.

Nay bà Đỗ Thị Ngọc Tr yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Dương Tông Ph trả cho bà Tr số tiền gốc là 850.000.000 đồng. Yêu cầu được tính lãi với lãi suất 0,75%/tháng, cụ thể được tính như sau:

- Từ ngày 06/02/2018 đến ngày 20/4/2018 là 2 tháng 14 ngày trên tổng số tiền còn nợ là 973.000.000 đồng, lãi suất 0.75%/tháng thành tiền 18.000.000 đồng ($973.000.000 \text{ đồng} \times 0.75 \% \times 02 \text{ tháng } 14 \text{ ngày} = 18.000.000 \text{ đồng}$).

- Từ ngày 21/4/2018 đến ngày 17/5/2018 là 27 ngày trên tổng số tiền còn nợ là 873.000.000 đồng, lãi suất 0.75%/tháng thành tiền 5.892.000 đồng ($873.000.000 \text{ đồng} \times 0.75 \% \times 27 \text{ ngày} = 5.892.000 \text{ đồng}$).

- Từ ngày 18/5/2018 đến ngày 31/10/2018 là 5 tháng 13 ngày trên tổng số tiền còn nợ là 773.000.000 đồng, lãi suất 0.75%/tháng thành tiền 31.500.000 đồng ($773.000.000 \text{ đồng} \times 0.75 \% \times 05 \text{ tháng } 13 \text{ ngày} = 31.500.000 \text{ đồng}$).

- Từ ngày 01/11/2018 đến ngày 04/3/2019 là 4 tháng 03 ngày trên tổng số tiền còn nợ là 670.000.000 đồng, lãi suất 0.75%/tháng thành tiền 27.000.000 đồng ($670.000.000 \text{ đồng} \times 0.75 \% \times 04 \text{ tháng } 03 \text{ ngày} = 20.602.500 \text{ đồng}$).

- Từ ngày 05/3/2019 đến ngày 26/9/2019 là 6 tháng 22 ngày trên tổng số tiền còn nợ là 850.000.000 đồng, lãi suất 0.75%/tháng thành tiền 42.925.000 đồng ($850.000.000 \text{ đồng} \times 0.75 \% \times 06 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} = 42.712.500 \text{ đồng}$).

Tổng lãi là 118.707.000 đồng. Bà Tr tự nguyện giảm lãi cho phía bị đơn, chỉ yêu cầu tiền lãi là 100.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà T và ông Ph có mua thức ăn cá của bà Tr nhiều lần, bắt đầu mua vào năm 2016, trong quá trình mua thức ăn có trả nhiều lần, tổng nợ lại bà Tr là 1.053.590.000 đồng (có làm biên nhận). Đến ngày 06/02/2018 có trả cho bà Tr số tiền 80.000.000 đồng, còn nợ 973.000.000 đồng. Đến ngày 20/4/2018 trả 100.000.000 đồng, còn nợ 873.000.000 đồng. Ngày 17/5/2018 trả 100.000.000 đồng, còn nợ 773.000.000 đồng. Ngày 31/10/2018 trả 103.000.000 đồng, nợ 670.000.000 đồng. Ngày 04/3/2019 bà T và ông Ph nợ thêm tiền thức ăn là 180.000.000 đồng. Cùng ngày, bà T và ông Ph có ký tên xác nhận nợ tổng số tiền là 850.000.000 đồng (Tám trăm năm mươi triệu đồng). Bà T thống nhất tiền lãi và mức lãi suất do bà Tr yêu cầu là 0.75%/tháng, tiền lãi là 118.707.000 đồng,

mặc dù bà Tr tự nguyện giảm tiền lãi còn 100.000.000 đồng nhưng do mua thức ăn của bà Tr với giá cao, bên cạnh đó vợ chồng bà T làm ăn thất bại, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên chỉ đồng ý liên đới cùng ông Ph trả số tiền gốc là 850.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi, yêu cầu bà Tr không tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hòa giải ngày 30/8/2019 ông Dương Tông Ph là bị đơn trình bày:

Ông Ph thống nhất lời trình bày của bà Tiêm, vợ chồng ông có nợ bà Tr tiền mua thức ăn như bà Tr trình bày. Ngày 30/8/2019, ông Ph thống nhất đồng ý liên đới cùng bà T trả nợ cho bà Tr là 850.000.000 đồng và lãi là 70.000.000 đồng. Tổng cộng là 920.000.000 đồng (Chín trăm hai mươi triệu đồng).

Đến ngày 05/9/2019, bà T và ông Ph làm đơn thay đổi ý kiến, không đồng ý trả lãi trên số tiền còn nợ lại bà Tr.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ như sau: Xác nhận nợ ngày 20/4/2018, ngày 17/5/2018, ngày 31/10/2018, 04/3/2019 (bản chính).

Các tình tiết không phải chứng minh: Bà Tr cho rằng ông Ph và bà T còn nợ tiền mua thức ăn thủy sản số tiền là 850.000.000 đồng và tiền lãi 100.000.000 đồng. Ông Ph và bà T thống nhất số tiền nợ và tiền lãi, tuy nhiên do hoàn cảnh gia đình khó khăn, làm ăn thua lỗ nên chỉ đồng ý trả lại tiền mua thức ăn còn nợ là 850.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi 100.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Đỗ Thị Ngọc Tr yêu cầu ông Dương Tông Ph và bà Nguyễn Thị T trả cho bà tiền mua thức ăn thủy sản số tiền 850.000.000 đồng và tiền lãi là 100.000.000 đồng. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng dân sự mua bán tài sản theo quy định tại Điều 385, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Ngoài ra, do địa chỉ của bị đơn ở huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ông Dương Tông Ph đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Dương Tông Ph.

[4] Tại phiên tòa, bà Đỗ Thị Ngọc Tr xác định bà là đại diện hộ kinh doanh tên là Đại Lý Ngọc Tr, theo giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh số 51G8006684 do Phòng tài chính kế hoạch huyện T cấp. Bà Nguyễn Thị T thống nhất việc giao dịch mua bán thức ăn thủy sản và còn nợ tiền đối với bà Đỗ Thị Ngọc Tr. Việc bà Đỗ Thị Ngọc Tr là cá nhân hay đại diện hộ kinh doanh của Đại lý Ngọc Tr thì bà T cũng đồng ý trả tiền còn nợ cho bà Đỗ Thị Ngọc Tr. Do đó, Hội đồng xét xử xác định, bà Đỗ Thị Ngọc Tr - đại diện hộ kinh doanh của Đại lý Ngọc Tr là nguyên đơn trong vụ án.

Về nội dung:

[5] Xét yêu cầu của bà Đỗ Thị Ngọc Tr yêu cầu ông Dương Tòng Ph và bà Nguyễn Thị T liên đới trả cho bà số tiền mua thức ăn là 850.000.000 đồng. Việc mua bán thức ăn thủy sản của bà Tr với ông Ph, bà T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Khi mua bán xong, giữa các bên có làm xác nhận nợ vào các ngày 20/4/2018, ngày 17/5/2018, ngày 31/10/2018, 04/3/2019 có ông Ph và bà T ký tên. Bên cạnh đó ông Ph và bà T cùng thống nhất còn nợ bà Đỗ Thị Ngọc Tr số tiền trên nên yêu cầu của bà Tr là có cơ sở nên chấp nhận.

[6] Về lãi: Bà Tr yêu cầu ông Ph và bà T liên đới trả lãi là 100.000.000 đồng, bà T thống nhất số tiền lãi mà bà Tr yêu cầu, nhưng không đồng ý trả do hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bên cạnh đó, giấy xác nhận nợ ngày 20/4/2018, ngày 17/5/2018, ngày 31/10/2018, 04/3/2019 không có nội dung thỏa thuận về lãi, bà Tr yêu cầu lãi suất 0,9%/năm (0.75%/tháng) là phù hợp. Do đó bà Tr yêu cầu ông Ph và bà T liên đới trả cho bà số tiền lãi là 100.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án thì ông Ph và bà T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Cụ thể, số tiền án phí được tính như sau: 950.000.000 đồng x 5% = 47.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3, Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 385, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Đỗ Thị Ngọc Tr – Đại diện Hộ kinh doanh của Đại lý Ngọc Tr.

Buộc ông Dương Tòng Ph và bà Nguyễn Thị T phải liên đới trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thị Ngọc Tr - Đại diện Hộ kinh doanh của Đại lý Ngọc Tr số tiền là 950.000.000 đồng (Chín trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

Ông Dương Tòng Ph và bà Nguyễn Thị T phải chịu 47.500.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị Ngọc Tr không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tiền 23.075.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp là theo biên lai thu số 0003055 ngày 09/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các đương sự được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Riêng ông Dương Tòng Ph được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Minh